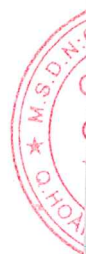


CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025



Hà Nội, tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-27

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/07/2025 đến 30/09/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Lê Văn Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/10/2024
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/10/2024

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/9/2023
Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/9/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Bà: Bùi Thị Trang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/08/2025
Ông: Phạm Xuân Lăng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 14/08/2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 30 tháng 09 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Văn Mạnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4	47 064 825 552	76 613 283 252
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2 534 513 427	3 482 211 096
1	Tiền	111		2 534 513 427	3 482 211 096
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-	39 713
1	Chứng khoán kinh doanh	121		35 799 713	35 799 713
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 799 713)	(35 760 000)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20 289 359 584	59 397 772 693
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19 093 531 536	50 547 521 279
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3 944 876 000	5 286 254 955
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1 382 892 048	3 563 996 459
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4 131 940 000)	-
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	9	23 203 422 995	12 981 355 064
1	Hàng tồn kho	141		23 203 422 995	12 981 355 064
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1 037 529 546	751 904 686
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	123 029 600	-
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		914 499 946	751 904 686
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	-
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420 665 348 742	400 605 382 587
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
II.	Tài sản cố định	220		6 752 763 738	8 189 620 070
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	4 635 263 761	5 263 620 087
-	Nguyên giá	222		7 198 065 579	7 157 465 579
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2 562 801 818)	(1 893 845 492)
3	Tài sản cố định vô hình	227	12	2 117 499 977	2 925 999 983
-	Nguyên giá	228		6 160 000 000	6 160 000 000
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4 042 500 023)	(3 234 000 017)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	10	398 528 182	9 462 538 343
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		398 528 182	9 462 538 343
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		412 217 088 619	381 598 761 964
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		385 359 234 441	351 098 761 964
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29 500 000 000	30 500 000 000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2 642 145 822)	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1 296 968 203	1 354 462 210
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1 296 968 203	1 354 462 210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		467 730 174 294	477 218 665 839

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		67 061 536 334	67 980 466 024
I. Nợ ngắn hạn		310		67 061 536 334	55 032 972 873
1 Phải trả người bán ngắn hạn		311	14	14 675 034 585	8 878 364 296
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		2 047 705 061	
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	1 036 817 108	1 046 759 952
4 Phải trả người lao động		314		679 529 031	327 539 926
5 Chi phí phải trả ngắn hạn		315		54 979 451	175 000 000
9 Phải trả ngắn hạn khác		319	16	45 662 378 142	24 560 462 126
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		2 860 000 000	19 999 753 617
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		45 092 956	45 092 956
II. Nợ dài hạn		330		-	12 947 493 151
1 Phải trả người bán dài hạn		331	14	-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác		337	16	-	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	12 947 493 151
9 Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	28	-	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn		342	-	-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				-	-
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ				-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		400 668 637 960	409 238 199 815
I. Vốn chủ sở hữu		410	18	400 668 637 960	409 238 199 815
1 Vốn góp của chủ sở hữu		411		296 999 910 000	296 599 910 000
2 Thặng dư vốn cổ phần		412		18 918 962 963	18 918 962 963
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển		418		195 900 595	195 900 595
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		74 637 116 140	83 072 100 083
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		421a		79 954 832 011	80 240 777 253
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		(5 317 715 871)	2 831 322 830
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		9 916 748 262	10 451 326 174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)		440		467 730 174 294	477 218 665 839

[Signature]

[Signature]



Phạm Thị Bích Liên
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Bùi Thị Trang
Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

		Mã số	Thuyết minh	Quý III/2025	Quý III/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
Chi tiêu							
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1 062 695 851	15 085 623 225	45 441 683 293	42 161 431 742
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1 062 695 851	15 085 623 225	45 441 683 293	42 161 431 742
4	Giá vốn hàng bán	11	21	792 331 185	13 656 109 934	41 349 867 640	36 939 339 566
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		270 364 666	1 429 513 291	4 091 815 653	5 222 092 176
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	353 206 254	290 083	353 324 510	545 704 105
7	Chi phí tài chính	22	23	925 442 581	353 856 641	4 017 547 153	2 080 027 327
Trong đó: Chi phí lãi vay		23		925 442 581	353 856 641	4 017 547 153	2 080 027 327
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(319 937 008)	(190 268 782)	(1 691 318 829)	(229 295 737)
9	Chi phí bán hàng	25	24	265 921 917	143 751	266 209 419	23 354 778
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	446 451 125	988 033 679	2 766 259 327	3 548 907 814
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)	30		(1 334 181 711)	(102 499 479)	(4 296 194 565)	(113 789 375)
12	Thu nhập khác	31	26	-	-	-	-
13	Chi phí khác	32	27	568 116 607	24 594 871	586 867 723	56 241 345
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(568 116 607)	(24 594 871)	(586 867 723)	(56 241 345)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1 902 298 318)	(127 094 350)	(4 883 062 288)	(170 030 720)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	50 303 166	249 294 488	55 604 597
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1 902 298 318)	(177 397 516)	(5 132 356 776)	(225 635 317)

Đơn vị: VND

Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	Quý III/2025	Quý III/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1 848 455 095)	(157 340 550)	(4 997 778 864)	(205 718 852)
20	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(53 843 223)	(20 056 966)	(134 577 912)	(19 916 465)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	29	(64)	(5.97)	(173)	(7.60)



Phạm Thị Bích Liên
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



Bùi Thị Trang
Kế Toán Trưởng



Lê Văn Mạnh
Giám Đốc


Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	81 058 736 123	77 848 373 957
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(38 148 747 856)	(115 402 120 905)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1 018 239 054)	(2 262 361 136)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(451 037 476)	(2 287 525 696)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(333 936 896)	(59 125 507)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	39 131 606 654	377 718 478 017
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30 251 623 139)	(22 459 687 430)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	49 986 758 356	313 096 031 300
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2 600 000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(70 500 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	70 500 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34 715 553 270)	(332 380 000 000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1 000 000 000	10 500 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8 632 450 862	10 200 000 000
<i>Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn (TM doanh thu HDTC)</i>		9 403 380 885	10 200 000 000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia (TM doanh thu HDTC)</i>		(770 930 023)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(25 085 702 408)	(311 680 000 000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	22 860 000 000	34 999 753 617
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(47 008 753 617)	(37 810 000 000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)</i>	40	(24 148 753 617)	(2 810 246 383)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	752 302 331	(1 394 215 083)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1 782 211 096	4 124 696 049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2 534 513 427	2 730 480 966


Phạm Thị Bích Liên
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Bùi Thị Trang
Kế Toán Trưởng


Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng
Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến 31/03/2024 là 296 999 910 000 VND; tương đương 29 699 991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10 000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là 06/08/2010.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 30/06/2024 là 08 người

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Bảng ngang

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CẤU TRÚC CÔNG TY

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 03
- Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 30/09/2025

Tên Công ty		Vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
-	Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (1)	49 940 000 000	99.98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
-	Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2)	38 868 000 000	81.20%	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
-	Công ty CP Công nghệ cao G7 (3)	68 600 000 000	98.00%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
Cộng		157 408 000 000	3	
Danh sách các Công ty đầu tư liên kết tại ngày 30.09.2025				
Tên Công ty		Vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
3	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
4	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
5	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÙNG YÊN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
6	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
7	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE HUNG YÊN	3 500 000 000	11.70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
8	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
9	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
10	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH LONG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
11	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÀ VINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
12	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
13	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYẾN QUANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BA ĐÌNH	14 700 000 000	49.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
2	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM NGHỆ AN	14 700 000 000	49.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
14	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
15	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
16	CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG	3 500 000 000	11.70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
17	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
18	CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH	3 500 000 000	11.70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
19	CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG NAI	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
20	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
21	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG	2 900 000 000	9.70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
22	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂN AN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
23	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ TĨNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
24	CÔNG TY CP MEDICARE HỮU NGHỊ	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
25	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GỐ VẤP	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
29	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KIẾN GIANG	3 500 000 000	11.67%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
30	CÔNG TY CP FAMICARE KIẾN GIANG	8 778 000 000	29.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
31	CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH LONG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
32	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
33	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
34	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB CAO BANG	6 000 000 000	20.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
35	CÔNG TY CP PHÒNG KHÁM MEDICARE NINH BÌNH	10 500 000 000	10	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

- 36 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÀK NÔNG
- 37 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÔNG THÁP
- 38 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG NAM
- 39 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG TRỊ
- 40 CÔNG TY CP FAMICARE TUYẾN QUANG
- 41 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂY NINH
- 42 CÔNG TY CP HEALTHCARE QUẬN 12
- 43 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KON TUM
- 44 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BIÊN HÒA
- 45 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC GIANG
- 46 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB THANH HÓA

Danh sách các Công ty đầu tư khác tại ngày 30.09.2025

- 1 CÔNG TY CP FAMICARE HOA BÌNH
- 2 CÔNG TY CP FAMICARE BẠC LIÊU
- 3 CÔNG TY CP FAMICARE BÌNH ĐỊNH
- 4 CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG NGÃI
- 5 CÔNG TY CP FAMICARE SÓC TRĂNG
- 6 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH YÊN
- 7 CÔNG TY CP FAMICARE AN GIANG
- 8 CÔNG TY CP FAMICARE BẮC NINH
- 9 CÔNG TY CP FAMICARE HẢI PHÒNG
- 10 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÀ NẴNG
- 11 CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG THÁP
- 12 CÔNG TY CP FAMICARE GIA LAI
- 13 CÔNG TY CP FAMICARE HÀ TĨNH
- 14 CÔNG TY CP FAMICARE LONG AN
- 15 CÔNG TY CP FAMICARE NINH BÌNH
- 16 CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG NGÃI
- 17 CÔNG TY CP FAMICARE TIỀN GIANG
- 18 CÔNG TY CP FAMICARE TRÀ VINH
- 19 CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH PHÚC
- 20 CÔNG TY CP FAMICARE ĐÀ NẴNG
- 21 CÔNG TY CP FAMICARE NGHỆ AN
- 22 CÔNG TY CP FAMICARE 3/2
- 23 CÔNG TY CP FAMICARE GÒ VẤP

Cộng

416 550 553 270

- 20.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 35.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 20.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 20.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 29.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 25.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 45.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 25.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 35.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 15.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 20.00%
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 15.89% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 6.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 19.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
- 10.00% Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thể thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thể thương mại còn chưa phân bổ.

Công cụ tài chính Ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền mặt	2 464 232 856	3 146 849 381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70 280 571	335 361 715
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		-
	2 534 513 427	3 482 211 096

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng giá trị cổ phiếu			35 799 713	(35 760 000)
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP) (i)			35 799 713	(35 760 000)
			<u><u>35 799 713</u></u>	<u><u>(35 760 000)</u></u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn

	-	-	-	-
			<u><u>39 713</u></u>	<u><u>(35 760 000)</u></u>

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 giá trị hợp lý các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với công ty niêm yết đến thời điểm 30/09/2025. Đối với các công ty chưa niêm yết, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN 19

Trang ngang

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường
Hoàng Mai, Thanh Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

6 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NBG	2 887 500 000		2 887 500 000	
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	22 801 436			
Bệnh viện sản nhi Phú Thọ	1 071 226 100		618 711 816	
KYOTO F&B Co., LTD	13 366 825 000		13 039 800 000	
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO Y TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN	-		3 266 769 500	
Công ty Cổ Phần Phòng Khám Medicare Cần Thơ	-		385 129 072	
Công ty Cổ Phần Phòng Khám Medicare Hậu Giang	288 750 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NINH BÌNH	-		600 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hà Tĩnh	-		940 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hưng Yên	-		40 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Pháp Vân	-		31 200 000	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẾN TRE	-			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB CÀ MAU	288 750 000			
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Trì	288 750 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH PHƯỚC	-			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÚ YÊN	288 750 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB LÂM ĐỒNG	288 750 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC KẠN	-		389 879 454	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH ĐỊNH	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG	-		352 861 260	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐẮK LẮK	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐỒNG THÁP	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI	-		352 861 260	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ GIANG	-		430 515 793	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG	-		365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG	-		365 626 635	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường
Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ TĨNH	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HƯNG YÊN	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KIẾN GIANG	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB Quảng Bình	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG TRỊ	-	450 325 818
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂN AN	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÁ VINH	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYỀN QUANG	-	365 626 635
Công ty Cp TTXN Golab Vĩnh Long	-	365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH YÊN	-	398 198 152
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÀ HOÀ	-	11 800 000
Công ty cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	-	520 093 720
CÔNG TY CP SX KD DƯỢC VÀ TTBYT VIỆT MỸ	-	37 717 730
Công ty cổ phần OMEGA Việt Nam	-	383 211 998
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM TÂN TRIỀU	-	3 465 000 000
Trung Tâm Y Tế Huyện Thanh Ba	-	32 548 000
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NGÃ BẢY	268 821 000	21 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	-	3 500 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BIÊN HÒA	-	2 800 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG	-	3 500 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB Quảng Bình	-	2 800 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE HỮU NGHỊ	-	1 500 000 000
Công ty cổ phần phòng khám hòa bình	-	114 238 371
Các đối tượng khác	32 608 000	
	19 093 531 536	50 547 521 279
	-	-

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

CÔNG TY TNHH JWB CO.LTD

Công ty cổ phần Sara Việt Nam

Trả trước các đối tượng khác

30/09/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3 684 376 000		3 684 376 000	
-		1 380 750 000	
260 500 000	-	221 128 955	-
3 944 876 000	-	5 286 254 955	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

		30/09/2025	01/01/2025
8 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			
Tạm ứng		9 038 000	15 918 000
Đặt cọc tiền nhà		-	-
Cho mượn		-	-
Các khoản chi hộ		-	-
Phải thu khác		1 371 852 398	3 548 078 459
		1 380 890 398	3 563 996 459
9 HÀNG TỒN KHO			
		30/09/2025	01/01/2025
Hàng mua đang đi đường			
Nguyên liệu, vật liệu			-
Công cụ, dụng cụ			
Hàng hoá		23 203 422 995	12 981 355 064
		23 203 422 995	12 981 355 064
10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
		30/09/2025	01/01/2025
Mua sắm tài sản cố định			
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)			2 958 460 035
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)			6 090 503 830
- Mua sắm tài sản cố định khác		398 528 182	413 574 478
		398 528 182	9 462 538 343
11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH			
		Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025		7 157 465 579	7 157 465 579
Mua sắm		40 600 000	
Giảm khác		-	
Tại ngày 30/09/2025		7 198 065 579	7 157 465 579
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025		(1 893 845 492)	1 109 896 076
Trích khấu hao			783 949 416
Giảm khác		-	
Tại ngày 30/09/2025		(2 562 801 818)	1 893 845 492
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025			6 047 569 503
Tại ngày 30/09/2025		4 635 263 761	5 263 620 087
12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			
		Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 01/01/2025	6 160 000 000	6 160 000 000
Tại ngày 30/09/2025	6 160 000 000	6 160 000 000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	3 234 000 017	2 156 000 009
Trích khấu hao		1 078 000 008
Tại ngày 30/09/2025	(4 042 500 022)	3 234 000 017
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025		4 003 999 991
Tại ngày 30/09/2025	2 117 499 978	2 925 999 983

13 . TÀI SẢN NGẮN VÀ DÀI HẠN KHÁC

b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-
Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp	-	-
Tiền thuê đất	1 237 699 804	1 354 462 210
Chi phí thuê nhà xưởng		-
Chi phí tác quyền		-
Công cụ dụng cụ xuất dùng		-
Chi phí mua bảo hiểm		-
Chi phí trả trước dài hạn khác	59 268 399	-
	1 296 968 203	1 354 462 210

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH thiết bị y học nhật			7 128 000 000	7 128 000 000
Công ty CP sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	-	-	1 417 500 000	1 417 500 000
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ CAO HẠ LONG OSAKA	5 656 140 000	5 656 140 000		
CÔNG TY CỔ PHẦN KANPEKI NHẬT BẢN	6 406 901	6 406 901		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	246 683 904	246 683 904		
Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam	579 960 500	579 960 500	318 475 302	318 475 302
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN KẾT SẢN XUẤT VIỆT NAM NHẬT BẢN	8 072 500 000	8 072 500 000		-
JWB CO., LTD	-	-		-
Các đối tượng khác	113 343 280	113 343 280	14 388 994	14 388 994
	14 675 034 585	14 675 034 585	8 878 364 296	8 878 364 296

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng	704 416 312	1 400 566 171	1 732 867 995	372 114 488
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	333 936 896	651 714 835	333 936 896	651 714 835
Thuế Thu nhập cá nhân	8 406 744	28 625 952	24 044 911	12 987 785
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13 000 000	13 000 000	-
	1 046 759 952	2 093 906 958	2 103 849 802	1 036 817 108

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/09/2025	01/01/2025
Bảo hiểm xã hội	15 259 600	444 700
Bảo hiểm y tế	1 952 425	
Bảo hiểm thất nghiệp	979 009	
Phải trả về cổ phần hoá		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		770 930 023
Phải trả lãi vay		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45 644 187 108	23 789 087 403

45 662 378 142 24 560 462 126

30/09/2025 01/01/2025

17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

	-	-
	-	-

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/09/2025	01/01/2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	296 999 910 000	296 999 910 000
- Vốn góp đầu kỳ		
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ này	296 999 910 000	296 999 910 000

d) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29 699 991	29 699 991
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10 000	10 000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

e) Các quỹ công ty

Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

30/09/2025	01/01/2025
195 900 595	195 900 595
195 900 595	195 900 595

19 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán thành phẩm
Doanh thu bán hàng hóa
Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
-	
1 062 695 851	15 085 623 225
1 062 695 851	15 085 623 225

20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Chiết khấu thương mại
Hàng bán bị trả lại
Giảm giá hàng bán

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
	-
	-
-	-

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của thành phẩm đã bán
Giá vốn của hàng hóa đã bán
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
-	
792 331 185	13 656 109 934
792 331 185	13 656 109 934

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, lãi cho vay
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
Lãi bán các khoản đầu tư
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
353 206 254	290 083
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
353 206 254	290 083

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
Dự phòng tổn thất đầu tư
Chi phí tài chính khác

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
605 505 573	353 856 641
319 937 008	
	-
925 442 581	353 856 641

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
---------------------------------	---------------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí bán hàng	265 921 917	
Chi phí khác bằng tiền	-	
Chi phí bảo hành	-	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	-
	265 921 917	-

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí nhân công	179 096 515	371 433 310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13 858 889	359 100 690
Thuế, phí, lệ phí	803 000	29 169 877
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69 244 067	187 324 525
Chi phí khác bằng tiền	183 448 654	41 005 277
	446 451 125	988 033 679

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Thu nhập khác	-	-
	-	-

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Chi phí khác	568 116 607	24 594 871
	568 116 607	24 594 871

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1 902 298 318)	(481 955 620)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1 902 298 318)	(481 955 620)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Lợi nhuận sau thuế	(1 902 298 318)	(177 397 516)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1 902 298 318)	(177 397 516)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân kỳ này	29 699 991	29 699 991
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(64,00)	(6)

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025
đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2025 là số liệu của ngày 31/12/2024 do công ty tự lập và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 3/2025 do Công ty tự lập.



Phạm Thị Bích Liên

Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



Bùi Thị Trang

Kế toán trưởng



Lê Văn Mạnh

Giám đốc